

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày 11 - 11 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Cao Xuân Lâm

Nghề nghiệp: Giáo viên Trường Phổ thông dân tộc nội trú, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

Bà Sùng Thị Dung

Nghề nghiệp: Cán bộ Đảng bộ xã Sín Chéng, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Giàng Seo N; tên gọi khác: Giàng A N, sinh năm 1964 (không xác định được ngày tháng sinh) tại xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Seo P; tên gọi khác: Giàng Seo H (đã chết) và bà Ly Thị D, năm sinh 1930; có vợ Hoàng Thị D, sinh năm 1965 và 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1986; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam ngày: 29/4/2020, ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Giàng A S; tên gọi khác: Giàng Khu S, sinh năm 1969 (không xác định được ngày tháng sinh) tại xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng Tả P, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Ly Thị D, năm sinh 1945; có vợ Thào Thị C, sinh năm 1970 và 03 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử

lý vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam ngày: 29/4/2020, ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Cù Thúy M, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

*Người làm chứng:*

- Anh Giàng Seo P, năm sinh 1982

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- Anh Hầu Seo S, năm sinh 1997

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Chị Giàng Thị Mũa, năm sinh 2000

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Anh Hầu Seo L, năm sinh 1990

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Chị Sùng Thị S, năm sinh 1991

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Anh Hầu Seo V, năm sinh 1988

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Anh Giàng Seo S, năm sinh 1994

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Chị Hầu Thị D, năm sinh 1981

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Cháu Giàng Thị S, năm sinh 2005

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Giàng Thị S:* Chị Vàng Thị C, năm sinh 1984 - Là mẹ đẻ của cháu S

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Chị Vàng Thị K, năm sinh 1991

Nơi cư trú: Bản M, xã xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Chị Hầu Thị H, năm sinh 1985

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Cháu Thào Thị N, năm sinh 2006

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Thào Thị N:* Chị Hầu Thị H, năm sinh 1985 - Là mẹ đẻ của cháu N

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

*Người phiên dịch:* Chị Lù Thị N, năm sinh 1991

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện S, tỉnh Lào - Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại bản Cáo trạng số 31/ CT-VKS-P1 ngày 11/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 02/4/2020, tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, thuộc thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, tổ công tác của Đồn Biên phòng S, tỉnh Lào Cai phát hiện 12 người gồm: Hầu Seo S, sinh năm 1997; Giàng Thị M, sinh năm 2000; Hầu Seo L, sinh năm 1990; Sùng Thị S, sinh năm 1991; Hầu Seo V, sinh năm 1988; Giàng Seo S, sinh năm 1994; Giàng Seo P, sinh năm 1982; Hầu Thị D, sinh năm 1981 cùng trú tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai; Giàng Thị S, sinh năm 2005, Vàng Thị K, sinh năm 1991 cùng trú tại xã Đ, huyện B; Hầu Thị H, sinh năm 1985; Thảo Thị N, sinh năm 2006 cùng trú tại xã Xuân Q, huyện B, tỉnh Lào Cai có hành vi nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam.

Qua đấu tranh, khai thác, những người này khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 28/3/2020, 14 người trên cùng nhau đi từ Chợ C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai xuống khu vực thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai để vượt biên sang Trung Quốc đi làm thuê thì bị Đồn Biên phòng S phát hiện và yêu cầu những người này quay lại. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi 14 người này đang ở chợ C thì gặp Giàng Seo N trú tại xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai, N nói với 14 người trên “Muốn sang Trung Quốc làm thuê thì để N dẫn đi mà không bị Đồn Biên phòng phát hiện”, sau khi mặc cả giá, hai bên thống nhất mỗi người phải trả cho N 150 Nhân dân tệ, nếu bị Biên phòng phát hiện sẽ không lấy tiền, N hẹn đến đêm sẽ đưa đi. N gọi điện thoại cho Giàng A S, hẹn gặp S ở chợ C để bàn việc, Giàng A S đi xe máy từ nhà đến gặp Giàng Seo N ở chợ C. Tại chợ C, N nói với S “Có 14 người muốn sang Trung Quốc làm thuê, chú tham gia cùng anh không, họ trả 150 Nhân dân tệ /01 người, đi về thì anh em mình chia nhau” S đồng ý. S đi xe máy về nhà, còn N dẫn 14 người về quán bán hàng của gia đình ở trong chợ C để nghỉ ngơi. Khoảng 23 giờ ngày 28/3/2020, N gọi 14 người dậy, N bảo 14 người cứ đi lên khu vực thôn L, xã S đợi N ở đó, N sẽ đưa đi sang Trung Quốc. 14 người đi 01 xe ô tô và 02 xe máy lên thôn L, xã S như đã hẹn với N. Còn N gọi điện thoại cho S đi xe máy chở N lên khu vực thôn L, xã S, khi đưa N lên đến điểm hẹn, S quay về nhà mình. Sau khi gặp 14 người ở thôn L, N bắt đầu dẫn mọi người đi sang Trung Quốc, N dùng đèn pin đội đầu soi đường, đưa 14 người đi qua thôn S, xã S rồi đi theo đường mòn xuống khu vực thôn L, xã S, rồi đi xuống bờ sông biên giới. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 29/3/2020, N đưa 14 người đến khu vực bờ sông giáp biên giới, N nói cho mọi người biết bên kia sông là đất Trung Quốc, nhưng do nước sông to, không lội qua sông được, N và 14 người ngồi ở bờ sông chờ nước rút. N gọi điện thoại cho S mang nước uống cho N và mọi người. S đi xe máy đến thôn L, xã S, để xe máy trên đường, rồi đi bộ, mang nước xuống cho N và 14 người đang ngồi đợi. Khoảng 15 phút sau, N cùng S đưa 14 người lội qua sông sang Trung Quốc. Đi sâu vào đất Trung Quốc khoảng 100m, N và S bảo mọi người dừng lại để thu tiền, N thu tiền của 10 người được 1.500 CNY(một nghìn năm trăm nhân dân tệ), S thu của 04 người được 600 CNY(sáu trăm nhân dân tệ). Thu tiền xong, S đưa cho N cầm tiền, tổng

số tiền thu của 14 người được 2.100 CNY (hai nghìn một trăm nhân dân tệ). Sau đó, N và S đi theo đường cũ quay về Việt Nam. Còn 14 người tiếp tục đi bộ sâu vào đất Trung Quốc sau đó bắt xe khách đi tiếp. Đến ngày 30/3/2020, thì bị Công an Trung Quốc bắt giữ. Ngày 02/4/2020, 14 người trên bị Công an Trung Quốc đưa đến bờ sông biên giới và đẩy đuổi về Việt Nam qua khu vực thôn L, xã S, huyện S, Đồn Biên phòng huyện S phát hiện và lập biên bản vi phạm hành chính, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 12 người. Còn hai người là Sùng Seo P và Tráng Thị C sau khi bị lực lượng Đồn biên phòng S phát hiện đã chạy trốn, nay không xác định được đang ở đâu. Khi qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc 14 người trên đều không làm thủ tục xuất, nhập cảnh trốn tránh sự kiểm soát của các cơ quan chức năng Việt Nam - Trung Quốc.

Sau khi về đến Việt Nam, S và N đến chợ C ăn sáng hết 100 CNY (một trăm nhân dân tệ), số tiền còn lại N và S chia nhau mỗi người được 1.000 CNY (một nghìn nhân dân tệ) và đem đi đổi mỗi người được 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng). N đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 3.200.000 đồng. S mang số tiền 3.200.000 về nhà cất giấu. Trong quá trình điều tra S và gia đình của N đã tự nguyện giao nộp số tiền trên.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai Quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai để xét xử đối với các bị can Giàng Seo N, Giàng A S về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, theo điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai được phân công thực hiện quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về trách nhiệm hình sự:

Hình phạt chính: Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Giàng Seo N - tên gọi khác Giàng A N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, tuyên phạt bị cáo Giàng A S - tên gọi khác Giàng Khu S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy của Giàng Seo N 01 chiếc đèn pin màu vàng đồng, có dây đeo màu đen, ký hiệu PY – 9999, trên thân đèn có nhiều chữ tượng hình hiện không còn giá trị sử dụng;

Tịch thu của Giàng Seo N 01 điện thoại di động màu vàng đồng đã qua sử dụng, mặt trước điện thoại có dòng chữ Muphone, số IMEL 1:866098030434374, số IMEL 2: 866098030434382, trong máy lắp 01 thẻ sim Viettel, trên sim có các dãy số 8984 0480 0002 0847 953 nộp ngân sách Nhà nước;

Tịch thu của Giàng A S 01 điện thoại di động màu vàng đồng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, mặt sau của điện thoại có dòng chữ SamSung, số IMEL 1:353793/10/393651/7, số IMEL 2:353794/10/393651/5, trong máy lắp 02 thẻ sim Viettel, thẻ sim thứ nhất có dãy số 8984 04800 00529 34830; thẻ sim thứ hai có dãy số 8984 04800 00474 39119 nộp ngân sách Nhà nước;

Đối với số tiền 2.100 CNY(hai nghìn một trăm nhân dân tệ) do phạm tội mà có, quy đổi sang tiền Việt Nam vào ngày 30/3/2020 tương đương số tiền 6.888.000 đồng cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, do các bị cáo được hưởng lợi như nhau nên tịch thu mỗi bị cáo số tiền 3.444.000 đồng; bị cáo Giàng Seo N và Giàng A S mỗi người đã nộp lại 3.200.000 đồng. Nên tịch thu của bị cáo Giàng Seo N và Giàng A S mỗi bị cáo 3.200.000đ để nộp ngân sách Nhà nước. Truy thu mỗi bị cáo số tiền 244.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho Giàng A S 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Giàng A S.

+ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 của Quốc hội để tuyên án phí đối với các bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Hình phạt chính: Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS tuyên bị cáo Giàng Seo N mức hình phạt 07 năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 BLHS tuyên bị cáo Giàng A S mức hình phạt 06 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”

Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của Pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa.

- Các bị cáo thấy việc làm của mình là sai và vi phạm Pháp luật, do các bị cáo tuổi đã cao nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, ý kiến của người bào chữa, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo là người đạt độ tuổi, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng do hám lợi, nên đêm ngày 28/3/2020 các bị cáo đã tổ chức đưa 14 người là công dân Việt Nam vượt biên sang nước Trung Quốc để làm thuê bằng lối mòn trong rừng, qua sông, không làm thủ tục xuất cảnh theo qui định của pháp luật với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhận tiền công đưa người khác vượt biên ra nước ngoài, mỗi bị cáo được hưởng 1.050 CNY (một nghìn không trăm năm mươi Nhân dân tệ - tiền Trung Quốc); các bị cáo thực hiện tội phạm này với lỗi cố ý đã cấu thành tội “Tổ chức cho

người khác xuất cảnh trái phép”, theo điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được hành vi tổ chức đưa người đi sang Trung Quốc lao động làm thuê mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, nhất là trong thời điểm Nhà nước ta đang thực hiện việc cách ly xã hội, cấm xuất, nhập cảnh để phòng, chống dịch Covid-19, xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Nên cần đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm minh và tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo không phân công vai trò cụ thể. Vai trò của các bị cáo được xác định như sau: Đối với bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo là người trực tiếp đưa 14 người xuất cảnh trái phép, bị cáo N là người tổ chức thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với bị cáo S là người được bị cáo N rủ rê, trực tiếp tham gia, giúp sức cùng bị cáo N vượt sông đưa 14 người ra khỏi biên giới Việt Nam xuất cảnh sang Trung Quốc, nên bị cáo S là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực.

Qua xem xét đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc, phù hợp với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, như vậy mới đảm bảo được trật tự xã hội và phục vụ tốt cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm này tại địa phương. Tuy nhiên, quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa thấy rằng: Các bị cáo đều “Thành khẩn khai báo” và đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính, bị cáo S có bố để được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, dẫn đến nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, về động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo xuất phát từ vụ lợi cá nhân nên giảm cho hai bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội;

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo đều làm ruộng, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đối với người đàn ông lái tắc xi quá trình điều tra không xác định được căn cước lai lịch cụ thể nên không đề cập xử lý, xét thấy là phù hợp.

- Đối với 12 người đã thực hiện hành vi xuất cảnh trái phép, nhưng do đều vi phạm lần đầu nên Đoàn Biên phòng S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 12 người này là phù hợp.

- Đối với Sùng Seo P, Tráng Thị C hiện tại đã bỏ trốn, không có mặt tại địa phương, Cơ quan chức năng sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với chiếc xe máy Giàng A S sử dụng để đón Giàng Seo N, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lào Cai không thu giữ giải quyết là phù hợp.

[3] Việc xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) đèn pin đã qua sử dụng, màu vàng đồng, có dây đeo màu đen, có ký hiệu PY – 9999, trên thân đèn có nhiều chữ tượng hình bị cáo N đã sử dụng để làm phương tiện dùng vào việc phạm tội, do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu “MU phone”, có số IMEI 1: 866098030434374, số IMEI 2: 866098030434382; bên trong có 01 sim điện thoại Viettel, có số IMEI: 898404800020847953 và 01 (một) thẻ nhớ 2GB nhãn hiệu Team, trên thẻ nhớ có dãy số: F0390000044 bị cáo N đã sử dụng để làm phương tiện dùng vào việc phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) Điện thoại di động màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, màu vàng đồng, mặt sau của điện thoại có dòng chữ Samsung; có số IMEI1: 353793/10/393651/7 số IMEI2: 353794/10/393651/5; trong máy lắp 02 (hai) thẻ sim của mạng Viettel, thẻ sim thứ nhất có số IMEI: 8984 0480 000529 34830 và thẻ sim thứ hai có số IMEI: 8984 04800 00474 39119 bị cáo S đã sử dụng để làm phương tiện dùng vào việc phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số: 063206405 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 9/5/2005 cho Giàng A S. Xét thấy, vật chứng này là giấy tờ tùy thân cá nhân của bị cáo, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại ngay vật chứng này cho bị cáo S.

Hiện tại những vật chứng trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai bảo quản, theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/8/2020.

- Đối với số tiền 2.100 CNY(hai nghìn nhân dân tệ) do các bị cáo thu của 14 công dân để đưa họ ra nước ngoài, các bị cáo đã đổi được 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) hiện đang quản lý tại kho bạc nhà nước huyện Si Ma Cai theo Ủy nhiệm chi số 01 ngày 14/9/2020 của Cơ quan an ninh Công an tỉnh Lào Cai đến tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai. Xét thấy đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước. Căn cứ vào công văn số 762 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh tại Lào Cai về cung cấp tỷ giá mua bán ngoại tệ ngày 30/3/2020 là 3.280 đồng nên số tiền 2.000 CNY (hai nghìn nhân dân tệ) đổi ra tiền Việt Nam được 6.560.000 đồng do đó cần truy thu của các bị cáo số tiền chênh lệch theo tỷ giá

mua bán ngoại tệ là 160.000 đồng và 100 CNY (một trăm nhân dân tệ) mà các bị cáo đã chi tiêu, đổi ra tiền Việt Nam là 328.000, tổng cộng là 488.000 đồng cần truy thu, nộp ngân sách nhà nước. Do các bị cáo được hưởng lợi như nhau nên truy thu của mỗi bị cáo là 244.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều biên phòng, Cơ quan An ninh điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người bào chữa cho các bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo N mức án 07 năm tù giam, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo S mức án 06 năm 09 tháng tù là nhẹ, không tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Giàng Seo N, tên gọi khác: Giàng A N; Giàng A S, tên gọi khác: Giàng Khu S phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

2. Về mức hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Giàng Seo N; tên gọi khác: Giàng A N 07 (bảy) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 29/4/2020.

- Xử phạt bị cáo Giàng A S; tên gọi khác: Giàng Khu S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 29/4/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tuyên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) Điện thoại di động cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu “MU phone”, có số IMEI 1: 866098030434374, số IMEI 2: 866098030434382; bên trong có 01 sim



điện thoại Viettel, có số IMEI: 898404800020847953 và 01(một) thẻ nhớ 2GB nhãn hiệu Team, trên thẻ nhớ có dãy số: F0390000044 thu của bị cáo Giàng Seo N.

+ 01(một) Điện thoại di động màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, màu vàng đồng, mặt sau của điện thoại có dòng chữ Samsung; có số IMEI1; 353793/10/393651/7; số IMEI2; 353794/10/393651/5; trong máy lắp 02 (hai) thẻ sim của mạng Viettel, thẻ sim thứ nhất có số IMEI: 8984 0480 000529 34830 và thẻ sim thứ hai có số IMEI: 8984 04800 00474 39119 thu của bị cáo Giàng A S.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai.

+ 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) thu của các bị cáo Giàng Seo N, Giàng A S do phạm tội mà có. Theo Ủy nhiệm chi số 01 ngày 14/9/2020 của Cơ quan An ninh Công an tỉnh Lào Cai đến tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai.

- Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước:

+ Truy thu đối với bị cáo Giàng Seo N số tiền: 244.000 đồng (hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

+ Truy thu đối với bị cáo Giàng A S số tiền: 244.000 đồng (hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) đèn pin đã qua sử dụng, màu vàng đồng, có dây đeo màu đen, có ký hiệu PY – 9999, trên thân đèn có nhiều chữ tượng hình thu của bị cáo Giàng Seo N.

- Tuyên trả cho bị cáo Giàng A S 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số: 063206405 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 9/5/2005 mang tên Giàng A Sủ.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai.

4. Về án phí: Các Bị cáo Giàng Seo N, Giàng A S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã Ký và đóng dấu)**

- CQĐT Công an huyện Si Ma Cai;
- CQTHAHS Công an huyện Si Ma Cai;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai;
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS, THAHS (5).

**Nguyễn Thị Thu Hương**